

Chân Trời Mới

Văn Phẩm Nguồn Sống – Cơ Quan Truyền Thông Tin Lành

Thế Giới Ngày Nay

Máy bay Honda và Toyota?

HondaJet là loại máy bay 6 chỗ ngồi của Honda vừa chế tạo và đem bay thử tại North Carolina. Chiếc máy bay phản lực loại nhỏ này có thể bay xa 1300 miles, với tốc độ đến 385 miles một giờ, nghĩa là chỉ chậm hơn máy bay phản lực thương mại có 60 miles.

HondaJet lại dùng 40% nhiên liệu ít hơn.

Honda dự tính sẽ sử dụng loại máy bay nhỏ này làm Air-Taxi để thu hút khách hàng đi làm nơi xa mà không cần phải chen lấn mua vé máy bay lớn, vừa mất thì giờ, lại vừa không an toàn. Giá vé của máy bay nhỏ sẽ ngang bằng vé máy bay hạng nhất của máy bay thương mại thường.

Honda bắt đầu vào nghề chế tạo xe hơi trong thập niên 1940. Chính ông Honda cũng đã nuôi mộng chế tạo máy bay ngay từ đầu, nay sau hơn 60 năm mới hình thành.

Trong khi đó thì Toyota, hãng chế tạo xe hơi lớn nhất của Nhật, cũng yên lặng cho bay thử chiếc máy bay phản lực loại nhỏ có bốn chỗ ngồi, tại sa mạc Mojave. Toyota không chịu tiết lộ kế hoạch, nhưng nghe đâu cũng nhắm vào việc đi máy bay quá phiền hà sau ngày 11 tháng Chín trước đây. Toyota có tham vọng chế tạo loại máy bay để lái y như lái xe hơi, trong khi đó thì giá phải rẻ hơn tất cả loại máy bay trên thị trường.

Lên Sao Hỏa (Mars)

Bản vẽ kế hoạch thám hiểm Sao Hỏa, một mục sự tại South Africa có ý kiến như sau: Kế hoạch thám hiểm Sao Hỏa của Hoa kỳ ước tính tốn đến 600 tỉ đô-la. Mục đích chỉ là để xem hành tinh này có nước hay không, xem xét những bụi trên đó, và có thể để cho những kẻ tiền rững bạc biển có dịp du hành một chuyến trở đời, thì kể ra cũng không kém phạm tội ác lớn. Chúng ta đã từng làm hồng hành tinh mà Chúa ban cho vì không biết điều hành thì tại sao còn bỏ tiền làm cái việc gọi là nghiên cứu khoa học, mà xét ra chẳng đem lợi ích gì cho con người cả. Chúng tôi sống ở châu lục này đang phải chống chọi với bệnh AIDS và nhiều nan đề khác mà tài nguyên chẳng có. Tưởng tượng 600 tỉ đô-la ấy mà đem dùng cho các nước châu Phi và nhiều nơi khác, thì cứu sống được biết bao người. Đúng là người ta phí phạm tiền cho thỏa cái lợi ích chủ quan của mình, trong khi sinh mạng biết

bao người đang gặp nguy khốn từng phút giây trên mặt đất này.

Một người khác cho rằng: Đưa người lên sao Hỏa nghe ra hay ho lắm, nhưng vấn đề là ở chỗ chuyến đi như thế lại cũng chỉ cho chúng ta thêm một thế giới nữa để mà làm cho hư hỏng thôi. Nếu con người chưa hoàn toàn thay đổi được thái độ và cách cư xử, thì nên tránh xa những hành tinh khác đi.

Bạn hay thù?

Hoa-kỳ trong những năm vừa qua có hẳn một danh sách những nước bạn và một vài nước nghịch thù. Tuy nhiên, chính những nước thuộc về “phe ta” đó chưa chắc lại là bạn tốt. Thí dụ như Saudi Arabia vẫn được coi là bạn của Mỹ, nhưng chính nước này là nguồn tài trợ cho cái gọi là chủ thuyết cấp tiến Hồi Giáo, phong trào thánh chiến Jihad, và cả al-Qaeda. Tất cả những phi công và không tặc cảm tử trong vụ 11 tháng 9 đều là người Saudi Arabia.

Pakistan cũng là một nước thân hữu khác của Mỹ, nhưng lại là nơi cư trú của hầu hết các tay khủng bố ghê gớm nhất. Trong khi Mỹ đi đe dọa từ Irak đến Iran và Bắc Hàn về việc chế tạo bom hạt nhân, thì Pakistan công khai chế tạo bom này, đem ra thử, và còn bán cho cả Iran và Lybia nữa, nhưng Mỹ có làm khó để gì đâu?

Thành ra bạn hay thù cũng còn tùy cách hiểu.

Flu hay SARS

Trong mấy năm gần đây những từ như SARS và dịch cúm gà (chim) làm cho nhiều người không dám đi châu Á nữa để cho đỡ mắc phải những loại ‘dịch’ này. Tuy nhiên Bác sĩ thú y Joan Capuzzi cho hay rằng:

Ngay những con mèo con chó ta nuôi trong nhà bất cứ ở đâu cũng có thể truyền sang ta một số bệnh tật mà ta không hay.

Những con vật như chó, mèo, chuột và rắn (các loại nuôi cảnh) đều lẫn lộn dưới đất và mang theo rất nhiều vi trùng rồi lại đưa vào những người ôm bế và chơi với chúng. Chúng ta lo dọn phân cho chúng, bông âm chúng, có khi thích chúng liếm cả vào mặt và cắn nữa. Sau đây là một số bệnh do các con vật dễ thương này gây ra:

Bệnh mèo cào: đây là một bệnh do vi khuẩn từ mèo cào, cắn, hay bọ chết có nhiễm độc gây ra. Thường thì trẻ em hay bị hơn người lớn. Bệnh này có thể gây sốt, sưng hạch và còn làm hại các cơ phận lớn.

Bệnh Toxoplasmosis: Bệnh này gây hại cho phụ nữ có thai (sẩy thai, hay sinh con khuyết tật). Bệnh này do một loại vi trùng phát sinh từ thịt chưa nấu chín hay là tiếp xúc với phân mèo nhiễm trùng đã quá một ngày.

Bệnh Salmonellosis và Campylobacteriosis: Các bệnh này do vi khuẩn trong phân những con vật nuôi trong nhà, có thể gây tiêu chảy, nôn mửa, và đau bụng.

Vết đỏ tròn trên da: Đây là một chứng lở trên da hình vòng tròn do một loại nấm mốc có thể do rờ vào chó hay mèo dính sang.

Bác sĩ thú y dặn rằng để tránh bệnh, cần phải cho con vật đi chẩn bệnh, rửa tay sau khi sờn sóc con vật, đừng để con vật ăn thịt tươi, tránh sờ mó vào nước tiểu và phân của con vật.

Hôn nhân đồng giới

Trong những tháng vừa qua, nước Mỹ náo loạn lên về vụ hôn nhân đồng giới, tuy nhiên ta nên biết rằng hiện nay chỉ có một bang Massachusetts là có luật cho phép hôn nhân đồng giới bắt đầu từ ngày 17 tháng Năm, 2004. Bốn bang là California, New Jersey, Vermont và Hawaii đều có luật hôn nhân phải là nam và nữ, nhưng có tôn trọng liên lạc giữa các nhân đồng giới. Tất cả các bang còn lại đều có luật hôn nhân phải là nam và nữ.

Trong những ngày qua, có người đòi sửa hiến pháp. Đòi hỏi này là nhằm ấn định cho rõ hôn nhân phải là giữa nam và nữ, đây là một sửa đổi có lợi cho luân lý đạo đức.

Đương kim TT Bush chống hôn nhân đồng giới, nhưng cho rằng còn tùy theo luật tiểu bang. Ông cũng hỗ trợ ý kiến sửa định nghĩa hôn nhân trong hiến pháp phải là việc kết hôn giữa một người nam và một người nữ. Ứng viên TT Dân chủ là John Kerry cũng có lập trường tương tự.

Thật ra hôn nhân đồng giới không phải là vấn đề yêu đương mà chính là vấn đề thừa kế và đóng thuế mà thôi. Tuy nhiên hôn nhân đồng giới là một tội phạm sẽ đem nước Mỹ đến nhiều thảm họa không thể lường được, có lẽ còn tệ hại hơn Содôm và Gômôrô ngày xưa.

Kinh thánh dạy rõ: *Nếu một người nam nằm cùng một người nam khác, như nằm cùng người nữ, thì cả hai đều phải bị xử tử, vì họ đã làm một việc ghê gớm.*..Lê-vi-ký 20:13.

Đĩ nhiên là câu này áp dụng cả cho người nữ nữa.

Lời chứng:

Vùng Đất Không Có Hy Vọng

Trong hoàn cảnh khắt khe của gia đình, xã hội, trong nỗi đau khổ của tâm hồn chỉ có Chúa Giê-xu mới thấu hiểu được chúng ta. Như người phụ nữ ngày xưa bị đời bạc đãi, bà đến bên chân Chúa mà khóc rồi lấy tóc mình mà lau những giọt nước mắt ấy và lấy dầu xức thơm chân Chúa. Đồng thời Chúa Giê-xu lau những giọt lệ thương đau đó, chữa lành những tan vỡ trong tâm hồn bà. Ngày nay Chúa cũng làm những việc đó cho phụ nữ chúng ta.

Dù sống trong nhiều nghịch cảnh phủ phàng, bóng đen như bao trùm cuộc sống, những lúc đó tôi nhớ đến lời mời gọi của Chúa Giê-xu “Hỡi những kẻ mệt mỏi và gánh nặng, hãy đến cùng ta, ta sẽ cho các ngươi được an nghỉ”, tôi cố gắng để thực nghiệm điều Ngài hứa đó. Lời mời gọi đó của Chúa tôi thuộc lòng từ những ngày đầu tôi mới đến với Chúa mà nửa đời người trước đó tôi không hề biết.

Hai mươi lăm năm trước khi tôi và ba đứa con nhỏ dại vừa bước chân đến vùng đất lạ nầy, nơi hầu hết người Việt khi vừa đặt chân đến thì đã tìm cách để rời khỏi vì đây là một vùng đất khô khan, cằn cỗi, không đủ cơm ăn, áo mặc, không một sự bảo hộ, không có sự đoàn kết, không có tình thương mà chỉ có sự tranh cạnh giết nhau vì quyền lợi, vì danh vọng, vì tiền bạc. Con người bạc đãi nhau không có một chút nhân từ nào cả, chồng giết vợ, mẹ chồng giết nàng dâu, anh em giết nhau vì tiền tài địa vị, phân chia giai cấp từng lớp người. Sự thật đây là một nơi mà người ta cho rằng không có hy vọng để vùng lên. Đây cũng là nơi mà tôi và các con tôi đã đối diện với tử thần, cái chết vẫn luôn luôn kề cận bên mẹ con tôi. Mẹ tôi cũng cùng tôi sang vùng đất lạ nầy. Nhìn con, nhìn cháu vất vả, gian nan nơi xứ lạ quê người, lòng mẹ khổ đau, dần vật trở bệnh; rồi mẹ tôi vĩnh viễn ra đi sau ba năm đối diện với nhiều đau khổ, bỏ lại con cháu nơi vùng đất khô cằn, thiếu niềm hy vọng.

Sau hai năm mẹ con tôi rời quê hương đất mẹ đi tìm vùng đất tự do thì chồng tôi qua đời tại Việt Nam. Tôi ra đi với nhiều ước vọng, nhưng mọi điều tôi nghĩ trước kia đã không thành toại, mà

tôi lại nhận lắm phủ phàng. Tôi không có việc làm nhất định, các con tôi cũng không có nơi ăn học đàng hoàng. Nhiều đêm tôi lo sợ khi nghĩ không biết tương lai sẽ trôi dạt về đâu khi mà nơi đây không ai giúp đỡ hay thương xót. Tôi chỉ còn biết khóc than cho số phận của mình. Lắm khi ôm con vào lòng với những dòng nước mắt đầm đìa đôi má mà tự hỏi không biết các thần tượng tôi thờ kia có thấy, hiểu được cái đau khổ của mẹ con tôi không? Nhiều lần tôi đến các chùa, miếu ngồi dưới chân các thần, các phật mà than khóc hy vọng nhận được sự cứu rỗi. Lắm khi tôi lo lắng ngày nào đó tôi có mệnh hệ nào ai sẽ nuôi các con tôi? Sức người có hạn, liệu tôi có chịu đựng nổi những cảnh phủ phàng? Thời gian vẫn trôi qua và tôi vẫn sống trong vòng cay đắng của xã hội này.

Rồi một hôm cũng trong vùng đất mà tôi đã đối diện với mọi khổ hạnh thì cũng là nơi tôi được đối diện với Chúa Giê-xu. Trong phút giây tuyệt vọng, Ngài đến bên cạnh dìu dắt tôi, lau dòng lệ khổ đau mà hằng đêm tuôn chảy trên đôi gò má gầy của tôi. Tôi đã được Ngài mở mắt để nhìn thấy sự cứu rỗi của Ngài. Ngài đưa tôi đến nơi đầy ánh sáng, nơi đó tôi được các con dân của Ngài tiếp đãi và chỉ cho tôi con đường sự sống từ Đấng Cứu Thế Giê-xu. Tôi đã bỏ hết các hình tượng và trong lòng tin cậy, tôn thờ Chúa. Rồi các con tôi được vào học các trường tốt, và tôi cũng có được công việc làm vững vàng. Mỗi ngày qua đi chúng tôi được sống trong sự yêu thương dẫn dắt của Chúa. Chúng tôi vô cùng biết ơn Chúa vì chẳng có công việc gì giống như công việc Chúa làm cho mẹ con tôi. Tôi tin cậy vào lời hứa của Chúa vì Ngài không bao giờ thay đổi. Tôi cũng tin rằng những gì Chúa làm cho tôi Ngài cũng sẽ làm cho bất cứ người nào đặt lòng tin nơi Ngài.

Các con của tôi lớn dần theo thời gian và trưởng thành trong sự dìu dắt của Chúa. Rồi một đêm cách đây chín năm, một nghịch cảnh vô cùng tàn bạo lại đến với tôi, giữa lúc mà tôi không bao giờ ngờ được.

Đêm hôm ấy, bỗng dưng có một người hối hả chạy đến nhà tôi, theo sau ông ta là người gác cổng khu chung cư tôi đang ở. Vừa chạy ông vừa bảo cháu ngoại tôi bị cháy. Tôi như người vừa rơi xuống vực sâu. Tôi vội chạy đến nhà con gái tôi, nơi ấy khói tràn ra khắp các cửa sổ, dưới đường thì xe chữa lửa đã đến tụt

hồi nào, người thì đông nghẹt nhưng không ai nói với tôi lời nào. Tôi bàng hoàng, tim như muốn ngừng đập. Một ai đó kéo tôi chạy đến một phòng mạch ở đầu ngõ, bước vào tôi không cảm lòng được, tôi ngã quỵ khi nhìn thấy đứa cháu ngoại chưa đầy ba tuổi của tôi cháy phỏng khói đen cả mặt, tay chân đều bị phỏng, quần áo tả tơi. Tôi chỉ còn kêu được: “Chúa ôi, sao lại nông nỗi này?” Tôi chợt nhớ: Đào, mẹ cháu bé đầu, còn cha cháu đầu không thấy? Tôi gần như muốn quy xuống. Trong giây phút tâm hồn tôi bấn loạn, tôi nghe tiếng nhỏ nhẹ bên tai: “Hãy vùng lên và can đảm lên”. Tôi thấy dường như sức mạnh trong tôi tăng dần, và lấy lại bình tĩnh tôi hối vội bác sĩ ký giấy để tôi đem cháu đến bệnh viện lớn hầu còn cứu cháu kịp. Vị bác sĩ hỏi mẹ cháu đầu tôi không hề biết. Khi tôi nói tên mẹ cháu thì bác sĩ cho tôi biết cách đây nửa giờ mẹ cháu đã được đưa vào cấp cứu, tình trạng khá nặng, khó có hy vọng thoát tử vong, cha cháu bé đã bị giam cầm. Tôi cảm thấy nghẹt thở khi nghe vị bác sĩ bảo về tình trạng của cha mẹ cháu. Tôi quỳ xuống bên giường cháu chết lặng, tim tôi như muốn ngừng đập: Tôi ghen ngào thừa với Chúa: “Chúa ôi xin đừng bỏ con trong giây phút này, xin cho con sức chịu đựng nghịch cảnh này”.

Đến bệnh viện, nhìn thấy cảnh sát ra vào tấp nập ở phòng đối diện, hỏi ra tôi được biết có người bị cháy vì tự tử nằm bên ấy, tôi chạy sang xem. Tôi không đủ can đảm nhìn cảnh tượng thật hãi hùng, nhưng tình thương khiến tôi ôm thân xác kinh khiếp của con tôi. Tôi phải làm sao với mạng sống hai người thân yêu? Cháu tôi đã nằm yên sau khi được chích mũi thuốc an thần, tôi chạy sang với Đào, quỳ gối cạnh giường cầu nguyện cho con tôi biết ăn năn tội trong phút giây này. Nhìn Đào trong thân thể khủng khiếp sau cơn cháy tôi không nỡ trách Đào, nhưng tôi buồn khi nghĩ đến đời sống của Đào từ khi rời gia đình, bỏ Chúa. Ngày ấy tôi ngăn cản Đào không nên lấy người con trai đó làm chồng, nhưng rồi Đào tự quyết định cho hôn nhân của mình để rồi Đào khổ sở với người chồng ăn chơi, rượu chè, say sưa đánh đập vợ con, sống ích kỷ, thờ đồng bóng ma quỷ. Rồi bỏ Chúa Đào thuộc dưới quyền của ma quỷ. Đào đã phải sống trong một gia đình thiếu hạnh phúc để cuối cùng không chịu đựng được. Đào đã tự sát, phạm thêm một tội giết người. Thiên Chúa cấm giết người, vì con người được Chúa tạo dựng cho mục

đích cao đẹp, nhưng Đào đã tự thiêu hủy mạng sống mình. Vừa phạm tội Chúa cấm, Đào vừa thiếu trách nhiệm làm mẹ đối với con mình khi tự thiêu hủy thân thể mình cùng thân thể đứa bé vô tội. Đào khe khẽ xin nước, tôi chỉ ừ cho qua chuyện vì bác sĩ cấm không cho uống nước. Nhìn Đào và những người cùng cảnh ngộ trong phòng, lần đầu tiên tôi chứng kiến cảnh đau đớn rên la của những nạn nhân, ngọn lửa đã tắt nhưng sức nóng còn hành hạ họ khủng khiếp lắm. Tôi không biết họ cố tình hay bất cẩn gây ra tai nạn, nhìn họ quẫn quại đau đớn tôi thương họ lắm. Chắc con gái tôi nghĩ rằng cái chết sẽ giải thoát nó ra khỏi cái ách nặng nề của gia đình, của xã hội, cảnh bất hạnh của cuộc đời, nhưng nó không nghĩ đến cái đau đớn phải chịu bây giờ và sự trừng phạt trong ngày cuối cùng nữa. Đào đã quên Đấng đã hy sinh mạng sống trên cây thập tự chết thay cho tội lỗi của Đào, chỉ Đấng ấy mới đem đến cho Đào sự bình an và cứu chuộc. Tôi cầu nguyện thiết tha cho sự sống của Đào và cháu tôi. Đêm ấy chỉ có tôi thức chạy qua lại giữa hai phòng của Đào và cháu tôi, các bác sĩ và y tá đã say giấc nồng. Tôi tiếp tục cầu nguyện và thổ lộ vào tai của Đào: “Con ơi, ngay bây giờ, tại đây, Chúa đang ở bên cạnh con, hãy xưng tội vì con đã mang tội giết hại chính con, Ngài là Đấng sẽ cứu chuộc con, hãy nói đi kẻo trễ”. Bỗngưng Đào thổ hổn hển khác thường, hơi thở càng ngày càng mạnh hơn, tôi không biết làm sao nên hát vào tai con tôi bài ca tụng Chúa. Tôi biết đây là giây phút cuối cùng tôi tiễn con tôi về với Chúa Giê-xu và Đào đã ra đi vĩnh viễn. Tiếng khóc thét của cháu tôi ở phòng bên cạnh như nhắc nhở tôi. Phải, bên cạnh tôi còn lại một linh hồn thơ ngây mà Chúa giữ lại cho tôi chăm sóc. Bây giờ nhìn lại cháu tôi, một thân thể lành lặn không một dấu vết tật nguyên dù đã từng sống những phút giây dưới ngọn lửa của tử thần, tôi thắm tạ ơn Chúa.

Trong Kinh Thánh có câu: “Hãy tiết độ và tỉnh thức, kẻ thù chúng ta là ma quỷ, như sư tử rống, đi chung quanh rình mò anh em tìm kiếm người nào có thể nuốt được”. Đây là câu luôn luôn nhắc nhở tôi nương cậy Chúa đi qua vùng đất không có hy vọng này.

Ngày nay, Chúa gìn giữ những đứa con còn lại của tôi và còn sinh sản cho tôi nhiều cháu bé đáng yêu và đời sống chúng tôi tuy vẫn sống trên vùng đất

này nhưng không còn vất vả như xưa nữa. Chúa là Đấng gìn giữ chúng tôi và cả gia đình chúng tôi luôn luôn phục vụ Ngài.

Huỳnh Thị Phụng (Ấn Độ)

Khoa Học & Niềm Tin

Phép Lạ

(tiếp theo)

Sau đây xin nói về hai phép lạ quan trọng là phép lạ chữa bệnh và đuổi quỷ:

H. Phép lạ chữa bệnh.

Phép lạ chữa bệnh nhiều nhất và cũng nhiều hình thức khác nhau.

Tật bệnh là một trại tù. Nó là kẻ thù của tất cả mọi mối liên lạc, làm ta xa cách với đời sống. Bên trong thân xác của ta là cả một thế giới huyền bí. Ngoài hệ thống chỉ huy là lý trí, ý chí và tình cảm, còn cả một vũ trụ gồm các đại hệ thống như thần kinh, hô hấp, tuần hoàn, bài tiết. Trong mỗi hệ thống này lại còn những tiểu hệ thống vô cùng phức tạp. Đến thế kỷ 21 mà y học vẫn chưa biết hết các hoạt động về vật lý, hóa học của cơ thể con người. Phép lạ xảy ra khi quyền năng của Chúa đụng chạm đến cõi bên trong huyền bí ấy.

Ta thử để ý đến trường hợp người phụ nữ mắc chứng xuất huyết. (Mác 5:25-34) Bệnh này đã làm cho bà ấy đau khổ 12 năm, với bao nhiêu tổn kém mà bệnh càng nặng. Cuối cùng bà ấy đã chen vào một đám đông, với lòng tin vào quyền năng của Chúa, đụng vào áo của Ngài và được hoàn toàn lành bệnh. Có thể đây là một chứng ung thư máu. Quyền năng của Chúa làm cho các rối loạn trong các tế bào máu chấm dứt, hạt trắng và đỏ không chống nhau nữa, và hệ thống tuần hoàn trở lại bình thường. Đó là một phép lạ mà y khoa không hiểu được.

Có mấy câu hỏi sau đây:

1. Chúa chữa bệnh như thế nào?

Đôi khi Chúa dùng nước bọt, lúc khác đụng tay vào thân xác người bệnh, nghiêng mình trên người bệnh, có lúc chỉ truyền lệnh cho bệnh. Một vài lần Chúa tuyên bố tha tội cho người bệnh trước khi chữa cho lành. Khi xét đến các phép lạ ta để ý đến hai chữ “tức thì” hay là ngay tức khắc. Trong số 35 phép lạ Chúa làm được ghi lại, thì 23 lần hai chữ “tức thì” được dùng để mô tả tính cách của phép lạ. Trong số 17 phép lạ chữa bệnh thì

những người quan sát thấy người bệnh được lành ngay tức khắc.

Nhiều lần Chúa chữa bệnh mà không thể bảo rằng đó là theo định luật tự nhiên được. Trong thời đại chúng ta, người ta có thể bảo phép lạ của Chúa khi chữa lành bệnh là loại sử dụng sự đáp ứng của tâm thần cơ thể hay Psychosomatique. Theo giải thích này thì nhiều chứng bệnh không bắt nguồn từ cơ thể, mà lại bắt nguồn từ tâm trí. Khi nào điều kiện tinh thần được cải đổi, thì thân thể cũng khỏe mạnh trở lại. Trong những nước xã hội công nghiệp tiến bộ, người ta cho rằng có đến 80% bệnh là thuộc về tâm thần cơ thể, nghĩa là có nguồn gốc là tâm thần. Cũng có thể một số phép lạ chữa bệnh của Chúa Giê-xu là thuộc loại chữa trị tâm thần này. Nhưng nhiều thứ bệnh khác không thuộc tâm thần cơ thể được, như bệnh phong cùi hay tật mù bẩm sinh chẳng hạn. Chắc chắn những bệnh này không do tâm thần phát sinh.

Cũng có một số người cho rằng ngày xưa con người chưa am hiểu khoa học nên vội gán cho những gì mình không hiểu là do phép lạ. Ngày nay ai cũng biết là hiện tượng khoa học. Thực ra phép lạ không phải chỉ do con người chưa tiến bộ giải thích như thế. Vì các phép lạ như cho người mù bẩm sinh được sáng mắt hay cho La-xa-rô đã chết bốn ngày sống lại thì đến tận thế kỷ 21 khoa học cũng không thể giải thích gì được mà phải công nhận là phép lạ.

Có hai quan điểm liên quan đến phép lạ và định luật tự nhiên. Có người cho rằng các phép lạ sử dụng một loại định luật tự nhiên cao hơn mà cho đến nay người ta chưa hiểu được, vì mặc dù khoa học tiến bộ, chúng ta vẫn còn đứng trên bờ đại dương bao la của tri thức. Khi nào ta biết được các định luật này thì sẽ vỡ lẽ rằng phép lạ chỉ là áp dụng các định luật tự nhiên cao mà thôi. Chữ định luật trong khoa học mang nghĩa: việc gì xảy ra thường xuyên và hành động có tính chất đồng nhất. Nếu nói phép lạ là kết quả của việc áp dụng một thứ định luật cao hơn tức là hiểu chữ định luật khác với cách dùng của khoa học.

Quan điểm thứ hai, thường là của chính người hưởng phép lạ hay nhân chứng, công nhận đó là một việc làm sáng tạo do quyền năng siêu nhiên của Chúa. Đây là quan điểm thần học và rất chính xác.

2. Chúa chữa bệnh khi nào?

Chúa chữa bệnh khi người ta xin Chúa, nhưng cũng có trường hợp không xin mà Chúa cũng thi hành phép lạ, như đuổi quỷ chẳng hạn.

Có khi Chúa hỏi người bệnh xem họ muốn gì, có muốn lành bệnh không. Chúa biết rõ nhu cầu và mong mỏi của người bệnh, sao còn phải hỏi? Đây là lúc Chúa muốn chính người bệnh phải quyết định, và cũng là phần đóng góp của người ấy vào tình trạng lành bệnh của mình. Ngoài ra, đây là câu hỏi mà chỉ có Đấng Tạo Hóa mới có quyền hỏi, vì Ngài có thể chữa lành thân xác mà Ngài đã tạo ra.

Biết bao lần bác sĩ đời này xin lỗi người bệnh vì họ không thể làm gì được, nhưng chưa có ai đến với Chúa mà bị khước từ. Sứ đồ Giăng viết trong Phúc Âm Giăng rằng: Nếu ghi lại từng việc Chúa làm thì nhiều vô kể, nghĩa là Chúa chữa vô số tật bệnh và làm nhiều phép lạ khác mà không ai ghi hết lại được.

3. Tại sao Chúa chữa bệnh?

Nhiệm vụ chính của Chúa Giê-xu là cứu chuộc nhân loại khỏi tội ác bằng việc hi sinh trên thập tự giá và hoàn tất công việc ấy. Chúa chữa lành bệnh tật vì lòng thương xót. Kinh Thánh ghi rõ năm lần trước khi chữa bệnh Chúa động lòng thương xót, và tám lần khác, Chúa thương người bệnh.

Tuy nhiên không phải Chúa đến trần gian chỉ để chữa bệnh. Chúa vào đời để hi sinh chết thay cho nhân loại vì tình thương, nhưng Ngài cũng nhìn thấy nỗi khổ đau của từng người và sẵn sàng cứu giúp.

Vì các môn đệ thấy bão táp lo sợ mà Chúa đã đi trên mặt nước đến cứu giúp họ. Khi thấy hằng nghìn người theo Ngài cả ngày, đói khát và mệt mỏi, Chúa đã làm phép lạ hóa bánh để nuôi họ.

Nhưng mục đích chính của Chúa vẫn không phải chỉ làm thỏa mãn tạm thời hay xoa dịu các nỗi thống khổ của một số người, Chúa muốn cho con người thấy được quyền năng của Đức Chúa Trời mà Ngài hiện thân và cho người ta biết các giá trị vĩnh hằng cao quý không đơm mồi tục lụy khổ đau mà chính Chúa là con đường đưa đến các giá trị đó. Nói khác đi, Chúa chữa bệnh cho một người là để cho người ấy và mọi người chứng kiến có dịp biết đến các giá trị vĩnh hằng qua niềm tin đặt nơi Ngài.

I. Phép lạ trừ quỷ

Trừ quỷ hay đuổi quỷ là phép lạ thuộc loại siêu nhiên. Đây là lúc quyền năng của Chúa xâm nhập vào lãnh địa vô hình của Sa-tan. Đây cũng là loại phép lạ làm cho người ta khó tin nhất, vì các phép lạ trừ quỷ hay đuổi quỷ chứng tỏ rằng Sa-tan và các quỷ sứ có thật. Trong thời đại khoa học thông tin mà nói đến ma quỷ nghe như quá lỗi thời. Tuy nhiên khi Chúa Giê-xu ở thế gian thì mọi người đều biết tác dụng của ma quỷ. Chúa Giê-xu thấy rõ hoạt động của ma quỷ trong những con người bị nó ám vào và dùng quyền năng đuổi nó ra.

1. A-đam và Sa-tan

Công việc của Sa-tan trong nhân loại là có thật. Nó từng làm cho A-đam, ông tổ của cả loài người bị đẩy lùi vào bóng tối bằng trái cây mà Ê-va đã ăn dở dang. Trước đó A-đam chỉ thấy một con rắn bò bên cạnh những hàng cây, nhưng sau khi ăn trái cấm, A-đam mới thấy nó là cả một sức mạnh ghê gớm. A-đam chắc đã khóc khi bị đuổi khỏi khu vườn Ê-đen vì biết rằng con rắn kia đã gây ra việc ngăn cách A-đam với Chúa là Chân Thần, và dẫn đến chỗ hủy hoại đời sống. Mục tiêu của Sa-tan không phải chỉ làm hại A-đam và loại ông ta ra khỏi Ê-đen, nhưng còn muốn thống trị cả nhân loại nữa.

Sa-tan và A-đam đều bất tuân lệnh Chúa. Sa-tan là thiên sứ phản bội và A-đam vi phạm luật Chúa vì lòng tham. Cả hai đều làm buồn Đấng Tạo Hóa vinh quang. Cả hai cũng đã bị lưu đày: Sa-tan ra khỏi thiên đàng và A-đam ra khỏi địa đàng. Nhưng Sa-tan có năng quyền hơn A-đam và muốn chiếm đoạt A-đam.

Trong dòng dõi A-đam, nhân loại trở thành bãi chiến trường cho thiện và ác tranh giành. Điều ác do Sa-tan làm chủ cứ mở rộng cuộc chinh phục tâm hồn và đời sống cá nhân mỗi người. Cho đến khi Chúa Giê-xu ra đời thì cuộc chiến ấy mới đổi chiều. Chúa Giê-xu, theo phần xác, cũng thuộc dòng A-đam, nhưng Ngài từ trời vào đời chứ không từ đất.

Ngay từ lúc bắt đầu sứ mệnh cứu chuộc nhân loại, Chúa Giê-xu đã quả quyết rằng lỗi lầm của A-đam sẽ không bao giờ được tái diễn, vì trong đồng hoang, Sa-tan đã áp dụng đúng sách lược từng cám dỗ A-đam ra thử thách Chúa. Nó không đưa ra trái cấm nhưng nói đến quyền năng thống trị thế giới, danh vọng tức khắc và tri thức tuyệt vời. Chúa Giê-xu đã không sa vào cạm bẫy của nó như

A-đam khi xưa. Chúa Giê-xu hoàn toàn vâng phục Chúa Cha và sử dụng Lời Cha mà thắng ma quỷ Sa-tan. Cuối cùng, Chúa Giê-xu đã toàn thắng Sa-tan và tử thần trong cuộc phục sinh khải hoàn của Ngài.

Nhưng ngoài Chúa Giê-xu ra, toàn thể nhân loại từ thời A-đam ra khỏi vườn Ê-đen cho đến nay đều thua ma quỷ. Đa số nhân loại bị nó nắm lấy nguyên cả cuộc đời, nhưng mỗi người bị nó chinh phục một cách khác nhau. Có người bị nó sai khiến đến nỗi chẳng còn lương tri nữa và hành động như điên dại.

2. Ma quỷ

Ma quỷ là từ gọi chung Sa-tan và toàn bộ các thiên sứ sa ngã theo nó. Ma quỷ rất đông đảo và luôn tìm nơi trú ngụ. Chỗ ưng ý nhất là trên mặt đất. Sách Gióp ghi lại rằng Sa-tan đi đây đó trên mặt đất. Còn Sứ đồ Phi-e-rơ nói rằng: Ma quỷ như sư tử gầm thét đi quanh kiếm những người nỡ có thể vô xé.

Hơn thế nữa, nó thường nhập vào những con người mà nó có thể dùng làm tay sai tiêu diệt nhân loại. Tần Thủy Hoàng, Hitler, Stalin, Mao Trạch Đông và nhiều tên đồ tể thế giới đều là tay sai của nó. Nó cũng nhập vào những người thường để sai khiến những người ấy phạm các tội ác hủy hoại bản thân, gia đình, giáo hội và cả xã hội nữa.

Những người sống trong các vùng dân tộc ít người đều có nghe nói những chuyện ma quỷ tác hại, thường thì những chuyện này đều có thật, vì ma quỷ có thể nhập vào và sai khiến những người u mê làm các điều khờ dại.

Trong Kinh Thánh Tân Ước có ghi lại sáu lần Chúa Giê-xu đuổi quỷ. Căn cứ vào đó có thể phân biệt ra bốn loại quỷ trong số nhiều loại mà chúng ta chưa biết hết:

a. Loại quỷ xúc phạm đến Chân Thần.

Giống quỷ này dám đối đầu với quyền năng của Chân Thần, như trong trường hợp Sa-tan xuất hiện trước ngôi Chúa trên trời để nói về việc Gióp. Như trong sách Gióp đã ghi. Trong Phúc âm Mác 1:21-28 thì loại quỷ này gây gián đoạn một buổi lễ trong hội đường Do-thái Giáo bằng cách la khóc khùng khiep. Nhưng cách thông thường của loại quỷ này là chống chọi và thách thức Chúa trực tiếp.

b. Loại quỷ thứ hai là loại chống vật chất.

Loại này chuyên phá công trình của Tạo Hóa. Trong Khải Huyền 9:11 sử đồ Giảng gọi nó là Apolion, nghĩa là kẻ phá hoại. Công trình của Tạo Hóa mà nó hay phá nhất chính là những con người. Phúc âm Ma-thi-ơ 9:32-34 có nói đến việc nó ám vào một người và làm cho câm. Chương 12:22 lại kể rằng nó ám vào một người khác làm cho mù.

c. Loại quỷ thứ ba chuyên sống nơi mồ mả.

Đây là loại quỷ gây điên loạn. Trong Lu-ca 8:29 có nói đến người bị nó hành hạ, có sức mạnh phá được mọi thứ xiềng xích, chuyên sống trong vùng mồ mả như người điên. Người như thế bị xã hội ruồng bỏ và sống cô đơn.

d. Loại quỷ thứ tư là quỷ gây tai nạn.

Câu chuyện đứa bé trai ghi trong Ma-thi-ơ 17 mô tả hành động của loại quỷ này. Đứa bé này mắc bệnh phong điên, nghĩa là quỷ làm cho nội tâm rối loạn. Có lần quỷ cho người bệnh ngã vào nước và lửa cốt để giết chết nạn nhân. Nhìn vào con bệnh người ta tưởng chừng như tai nạn, nhưng thật ra là quỷ gây ra. Chính Chúa Giê-xu đã đuổi quỷ này ra khỏi đứa bé và sau đó nó hoàn toàn bình phục.

Thật ra chia loại như thế là theo các hình thức chúng xuất hiện mà người ta ghi nhận được, quỷ có nhiều hình trạng và rất khó phân biệt cũng như xếp loại. Có khi bảy thứ quỷ cùng nhập vào một người như trường hợp bà Ma-ri ở Ma-đơ-len.

Bài này chỉ sơ lược cho bạn đọc biết rằng ma quỷ có thật, đừng khinh thường nó, và luôn luôn trang bị Lời Chúa để có thể đắc thắng nó. Người đuổi quỷ phải nhân danh Chúa Giê-xu mà làm, nếu không, quỷ sẽ không khuất phục.

J. Đặc điểm của các phép lạ ghi lại trong Kinh Thánh

a. Nhiều phép lạ được thực hiện giữa công cộng chứ không phải chỉ riêng tư và những người được lành tung tin ra. Người đương thời có thể điều tra hư thực ngay tại chỗ. Đặc biệt là ngay lúc Chúa Giê-xu làm phép lạ, Chúa có rất nhiều kẻ thù, chỉ mong tìm bằng cứ để lên án, buộc tội và xử tử Ngài. Nhưng kẻ thù của Chúa không thể phủ nhận là Chúa thực hiện nhiều phép lạ. Kẻ thù của

Chúa lúc ấy có hai thái độ đối với phép lạ. Hoặc họ cho rằng Chúa sử dụng quyền năng của ma quỷ mà làm phép lạ. Hai là họ cố tình dẹp bỏ bằng chứng của phép lạ đi. Như trường hợp La-xa-rơ sống lại, họ muốn giết chết cả La-xa-rơ. Khi người mù được chữa lành họ cũng làm khó dễ để anh này đừng nói đến việc Chúa chữa cho sáng mắt nữa.

b. Nhiều phép lạ được Chúa thực hiện giữa đám đông vô tín. Điều này khác với những thầy pháp hay thầy phù thủy trong các dân tộc. Vì những thầy này chỉ làm bùa phép trước mắt những người tin họ mà thôi. Chúa Giê-xu công khai làm phép lạ trước mắt mọi người.

c. Các phép lạ của Chúa làm liên quan đến nhiều quyền năng và không phụ thuộc vào không gian. Quyền năng trên cõi thiên nhiên khi hóa nước thành rượu. Quyền năng trên bệnh tật khi chữa bệnh cho người phung và người mù bẩm sinh. Quyền năng đối với quỷ dữ khi Chúa trục xuất chúng ra khỏi những người bị chúng chế ngự. Quyền năng hiểu biết siêu nhiên khi Ngài ở xa mà biết rõ được Na-tha-ni-ên đang ở dưới cây vả. Quyền năng sáng tạo khi Ngài hóa bánh và cá ra cho hơn 5000 người ăn. Quyền năng trên sự chết khi Ngài gọi La-xa-rơ sống lại từ trong nấm mồ và những người chết khác được hồi sinh.

d. Các phép lạ đều có lời chứng của người được chữa lành, như La-xa-rơ và người mù bẩm sinh.

Các chuyện lạ ghi trong các sách của đời hoàn toàn khác hẳn với phép lạ ghi lại trong Kinh Thánh. Vì không trình bày cùng một thứ tự, giá trị và động lực như các phép lạ Chúa làm. Quan trọng hơn cả là những chuyện lạ bên ngoài Kinh Thánh không có tính cách xác thực như các phép lạ của Kinh Thánh. Thật ra hai sự việc đó không có điểm nào tương quan để so sánh cả.

K. Ngày nay Chúa còn làm phép lạ hay không?

Câu hỏi này khi nêu lên giữa một đám đông, chắc chắn sẽ có nhiều người đứng lên minh chứng rằng Chúa vẫn làm phép lạ qua những tội tử của Ngài trên khắp đất. Người bệnh cần bằng lòng hạ mình xưng tội, hết lòng tin Chúa và cam kết sống đời thánh sạch. Chúa không thay đổi và quyền năng của Ngài vẫn đời

đời hiệu năng. Chúa vẫn gọi chúng ta đến với Ngài cho được yên nghỉ về tâm hồn cũng như thể xác. Tuy nhiên ta cần nhớ một điều là Chúa còn có những mục đích và ý nghĩa trong việc thi hành hay không thi hành phép lạ mà con người không thể nào hiểu được.

Có người bảo rằng: ngày xưa Chúa làm nhiều phép lạ sao ngày nay Ngài không làm nữa? Chúa cứ xuất hiện hay làm nhiều phép lạ là nhân loại sẽ tin hết.

Mời đọc giả đọc câu chuyện ghi trong Phúc Âm Lu-ca 16:19-31 sẽ rõ.

Câu chuyện này do chính Chúa Giê-xu kể để giải thích cho câu hỏi kể trên. Người giàu muốn cứu năm người anh em của ông ta còn sống trên trần gian cho khỏi bị vào hỏa ngục như ông ta, nên xin với tổ Áp-ra-ham sai một người nào đến cảnh cáo họ về những nguy cơ mà họ sẽ gặp phải. Áp-ra-ham không chấp thuận, bảo rằng họ đã có Kinh Thánh răn dạy về chuyện đó. Người giàu nói rằng, nếu có ai từ cõi chết trở về thì chắc nói gì họ cũng tin. Áp-ra-ham bảo rằng: Nếu họ đã không tin các sứ giả của Chúa sai đến xưa nay, thì dù có người chết sống lại thuyết phục họ cũng sẽ không tin.

Không tin là tình trạng cố hữu của nhân loại. Chúa Giê-xu đã xuất hiện trong nhân loại, đã làm nhiều phép lạ, nhưng cuối cùng người ta cũng đòi hành hình Chúa trên thập giá. Người ta không tin Chúa và không công nhận phép lạ. Nhân loại ngày nay tệ hại hơn vì đã không tin mà còn quy chụp cho người tin Chúa và tin phép lạ là mê tín.

Ngày nay phép lạ không thấy xuất hiện nhiều vì bao nhiêu phép lạ đã ghi lại trong Kinh Thánh. Nếu phép lạ giúp cho người ta có nhận thức cảm quan thì qua các chứng cứ về phép lạ người ta cũng có thể có nhận thức đó

L. Các luân cứ bài bác phép lạ

Các phép lạ hay những chuyện lạ xưa nay đều phải được chứng nghiệm qua những cuộc điều tra của người ta.

Nhiều người vì thấy các phép lạ ngày nay khó chứng minh, chủ trương rằng không có phép lạ và phủ nhận cả những phép lạ trong Kinh Thánh. Như vậy là không đúng. Cũng như thể khi người ta khám phá ra tiền giả, rồi kết luận rằng tiền nào cũng giả cả, như thế là sai.

Có người cố giải thích phép lạ là một lối báo cáo quá đáng về một sự việc có thật. Vì con người có thói quen thêu dệt chuyện khi kể lại, với các ý định khác

nhau, vì thế nên sự việc mới trở thành phép lạ mang tính chất thần kỳ.

Nói như thế là cho rằng phép lạ đã ghi lại có thể là do những cuộc quan sát không kỹ lưỡng hoặc là báo cáo không chính xác.

Tuy nhiên ngay tòa án hiện đại, người ta vẫn tôn trọng nhân chứng, mặc dù cách diễn tả của nhân chứng không sát thực. Như trong một tai nạn gây chết người chẳng hạn, dù nhân chứng có nói như thế nào chẳng nữa, thì cũng không ai dám phủ nhận là tai nạn ấy không thực sự xảy ra.

Các phép lạ ghi lại trong Kinh Thánh cũng mang các giá trị y như phép lạ thực sự được chứng kiến. Vì trong các tòa án ngày nay, những lời nhân chứng hay tài liệu đều có thể coi là bằng chứng.

Người ta cũng có thể nói rằng những người ghi lại các phép lạ không khách quan, vì họ là môn đệ của Chúa Giê-xu. Có thể lắm, nhưng họ là nhân chứng khi sự việc xảy ra, và quan trọng hơn cả là họ mô tả đúng những gì mắt thấy tai nghe. Họ cũng đã trả giá bằng chính sinh mạng của họ cho những lời chứng này. Không ai dại gì hi sinh tính mạng để làm chứng về một chuyện không bao giờ xảy ra.

Khi nói về phép lạ, người ta không thể nào dùng khoa học để chứng minh hay bác, vì phép lạ thuộc phạm trù triết học. Hơn nữa khoa học không thể nào ngăn không cho phép lạ xảy ra. Khoa học là môn học chỉ mô tả những gì xảy ra mà thôi.

Phép lạ nào cũng có mục đích cả, vì đó là một trong số phương cách truyền đạt tư tưởng, khả thi ý chỉ của Thượng Đế cho loài người.

Khi nào con người bằng lòng tin nhận Thượng Đế, Thiên Chúa, Đức Chúa Trời hiện hữu, thì lúc ấy phép lạ không cần phải đặt thành vấn đề nữa. Biết phép lạ, tin phép lạ chưa quan trọng bằng kinh nghiệm phép lạ. Một trong những phép lạ mà mỗi người phải kinh nghiệm là phép lạ đổi mới con người của ta nhờ lòng tin đặt nơi Chúa. Không có phép lạ này, không ai có hi vọng gì hiểu các phép lạ khác, nói chung.

Nguyễn Sinh

Có Thượng Đế hay không?

Thượng Đế là một từ dùng để nói về một Đấng Tối cao mà con người có thể quan niệm được. Tuy nhiên trong dân gian, nôm na người ta vẫn dùng từ *Trời* để gọi Đấng ấy. Nhưng từ *Trời* mang tính chất khái quát, chỉ về thiên nhiên hay tự nhiên nhiều hơn là một Đấng có cá tính và con người có thể tìm đến được, vì thế thường không viết chữ hoa, cũng như các từ về thiên nhiên khác (mưa, gió biển v.v).

Triết học Trung Hoa trong cổ đại dùng từ *Đạo* để nói về cái mà người ta gọi là *“một cái gì mờ mờ ảo ảo, không thành hình rõ rệt để người ta cảm giác thấy được. Không biết được, nhưng sự tồn tại của nó là xác thực.”* (Trương Lạp Văn, *Đạo, Triết học Phương Đông*). Trang Tử còn chủ trương rằng: *“Đạo tuy lặng lẽ, âm thầm, không thấy hình bóng nên không thể nhận biết được, nhưng lại có tình và có lòng tin, là sự tồn tại chân thực. Từ cổ chí kim vẫn tồn tại vĩnh hằng, là cội nguồn, gốc rễ của vạn vật và là căn cứ cho sự tồn tại. Tất cả trên thế giới này, không những chỉ có vạn vật trong trời đất, mà cả quỷ thần thượng đế, đều được sản sinh ra từ đạo.”* (Sách đã dẫn).

Lão Tử và Trang Tử đều cho rằng đạo là bản thể và bản nguyên của con người trong trời đất. Nhưng hai ông coi cái đạo đó là tự nhiên, huyền bí xa vời, nhưng cuối cùng đã bén rễ vào cuộc sống hiện thực..(Sdd).

Như thế, cội nguồn của tất cả, theo triết Trung Hoa là một cái gì huyền bí chưa xác định được, mặc dù cảm thấy và không thể phủ nhận.

Từ thượng đế trong triết học Trung Hoa không phải là Thượng Đế mà chúng ta đang bàn đến. Chính vì vậy mà một số học giả không đồng ý việc dùng từ này cho Chúa hay Đức Chúa Trời của Cơ-đốc-giáo. Trong bài này chúng tôi chỉ dùng như một tên gọi dùng trong dân gian và đã phổ thông trong văn chương Việt Nam.

Có thể nói, trong đời người không có câu hỏi nào sâu xa hơn là câu: Có Thượng Đế hay không? Câu hỏi này mỗi người phải tự nhận định và trả lời. Thái độ sống sẽ tùy theo cách trả lời này mà xác định. Vì tất cả đời người đều được

hướng dẫn do quan niệm tự coi mình là sinh vật siêu đẳng trong vũ trụ hay nhận thức rằng, có một Đấng siêu việt mà người ta coi là đối tượng của sợ hãi hay thương yêu, một sức mạnh phải đối phó hay một Đấng Chủ Tể phải tuân mệnh lệnh.

Trong số những người cho rằng có một Đấng thần linh, Đấng thiêng liêng, lại còn phân biệt rõ quan niệm cho rằng Đấng ấy chỉ được biểu hiện bằng ý niệm về Thượng Đế – tức là đối tượng của những nghiên cứu triết học, như Đạo của phương Đông. Hoặc là quan niệm cho rằng Đấng thiêng liêng đó là Thượng Đế vĩnh hằng mà con người tôn thờ bằng đủ hình thức sùng mộ trong lễ nghi tôn giáo.

Chúng ta phải nói ngay rằng không thể “chứng minh” Thượng Đế theo nghĩa chứng minh của khoa học được. Tương tự như thế, không ai chứng minh Khổng Tử bằng phương pháp khoa học được. Lý do không làm như vậy được là vì tính chất của lịch sử và các giới hạn của phương pháp khoa học. Theo đúng phương pháp khoa học thì muốn chứng minh một điều gì là có thật, thì điều ấy hay việc ấy phải có thể tái diễn được. Người ta không thể nào chỉ làm một cuộc thí nghiệm rồi tuyên bố ngay là tìm ra được một điều gì mới, vì như thế là phản khoa học. Nhưng lịch sử, trong bản chất của nó, không thể nào tái diễn được. Không ai có thể tái diễn lúc khởi đầu của vũ trụ, hay là đưa Khổng Tử trở lại, hoặc vua Quang Trung tái thế, hoặc tái diễn cuộc hành hình Chúa Giê-xu trên ngọn đồi Gô-gô-tha. Những nhân vật này, những sự kiện này mặc dù không thể chứng minh bằng phương pháp khoa học, nghĩa là không thể cho xuất hiện lại hay tái diễn, không ai dám phủ nhận là các nhân vật ấy hay sự kiện ấy là không có thật.

Ngoài ra, người ta còn có thể chứng minh nhiều sự việc mà không cần áp dụng phương pháp khoa học. Phương pháp khoa học chỉ hữu dụng đối với những gì có thể đo lường được mà thôi. Những gì trừu tượng như tình thương, lẽ công bằng chẳng hạn, làm sao đo lường được, nhưng không ai phủ nhận được những điều ấy, vì thật sự hiện hữu.

Nếu đòi hỏi phải chứng minh Thượng Đế hiện hữu bằng phương pháp khoa học thì có khác nào lấy chiếc máy điện thoại để đo độ phóng xạ. Chiếc máy điện thoại không được chế tạo vì mục đích đó.

Nhưng có gì chứng minh được là có Thượng Đế hay không?

Những nhà nhân chủng học nhận thấy rằng trong các dân tộc sơ khai nhất mà hiện tại còn sót lại trên thế giới, người ta có tôn thờ một Đấng Thượng Đế.

Trong các truyện tích dân gian và lịch sử của các dân tộc cổ xưa nhất trên khắp thế giới đều thấy có ý niệm về một Đấng sáng tạo ra muôn loài vạn vật.

Các triết gia cổ xưa nhất của Trung hoa có ý niệm về một Đấng mà người ta tạm gọi là Đạo. Đạo của bản thể là đạo vô hình, vô thanh, vô thể là đạo của hình nhi thượng. Đạo này là căn cứ tồn tại của vạn vật trong trời đất, cũng là bản nguyên sinh ra vạn vật. (Sdd)

Ngay tại các nước tôn thờ nhiều thần linh, người ta cũng vẫn ý thức được rằng có một vị thần vĩ đại cao siêu hơn cả.

Mặt khác, trong mọi thời đại và ở bất cứ nơi nào trên mặt đất nhân loại đều có lòng tin vào một hay nhiều thần linh. Đây không phải là bằng chứng về Thượng Đế, nhưng đáng lưu ý về khuynh hướng tôn thờ thần linh của loài người.

Con người ở đâu cũng nhận định là có luật nhân quả. Nghĩa là không có kết quả nào phát sinh nếu không có nguyên nhân. Nhân loại và vũ trụ hiện hữu là kết quả vì vậy dĩ nhiên là phải có nguyên nhân phát sinh. Nguyên nhân cuối cùng chính là Thượng Đế.

Nhà bác học lỗi lạc nhất của thế kỷ 20, tiến sĩ Albert Einstein từng nói: “Đạo của tôi là sự sùng kính một Đấng thần linh siêu việt, vô hạn, đã tự mặc khải qua những điều rất mong manh để cho tâm trí yếu ớt đơn sơ của chúng ta có thể nhận ra được. Chính sự nhận thức sâu xa đầy xúc động về sự hiện hữu của một quyền năng siêu việt hữu lý đã mặc khải qua vũ trụ khó hiểu này, hình thành ý niệm về Thượng Đế của tôi¹.”

Các bằng chứng về Thượng Đế rất nhiều. Thí dụ như một nhà khoa học đã nói:

“Nước có một nhiệt độ cao đặc biệt. Nhiệt độ ấy làm cho những phản ứng hóa trong thân thể con người được diễn tiến chính xác. Nếu nước có một nhiệt độ đặc biệt thấp, thì thân thể chúng ta có thể sôi lên được dù chỉ là hoạt động rất nhẹ. Vì nếu tăng nhiệt của một dung dịch lên mười độ thì sẽ làm cho phản ứng hóa tăng lên gấp đôi. Nếu nước không mang

tính chất này thì sự sống con người khó có thể thực hiện.

Nước biển là ống do nhiệt độ của trái đất. Cần phải giảm đi nhiệt lượng rất nhiều mới có thể chuyển nước thành nước đá; muốn biến nước thành hơi lại cần đưa vào một nhiệt lượng rất lớn. Đại dương là một tấm nệm khổng lồ để chống lại hơi nóng thiêu cháy của mặt trời và cái đông lạnh của mùa đông. Nếu không nhờ đại dương điều hòa nhiệt độ, thì trái đất hoặc bị thiêu cháy hay bị đông cứng vì lạnh.

Nước là một chất hòa tan tất cả. Nước hòa tan acid, base và muối. Về phương diện khoa học thì nước là một chất trơ, làm môi trường xúc tác cho các phản ứng hóa, nhưng không tham dự vào các phản ứng ấy. Chẳng hạn như trong mạch máu, nước làm hòa tan ít nhất là 64 chất. Chính vì đặc tính của nước như thế mà sự sống mới thực hiện được.”²

Nhà nghiên cứu A. Rendle Short có nhận xét về nước như sau:

“Nước đã chiếm hơn một nửa thành phần cấu tạo của hầu hết động vật và thực vật. Nước rất khó phân tích, trong khi đó nước hòa tan rất nhiều chất. Cho muối vào nước nó trở thành một chất dẫn điện. Nước là thành phần hóa chất quan trọng nhất trong thân xác động vật. Tỷ trọng của nước nặng nhất ở 4 độ C, vì vậy vào mùa đông chỉ có mặt trên của sông, hồ và ao là đông cứng, bên dưới nước vẫn lỏng, như thế loài cá mới tồn tại được. Nước còn bốc hơi nhiều hơn bất cứ chất nào khác, vì vậy mới giúp cho khí hậu được điều hòa.

Những điều hiện có trong thiên nhiên chứng minh rằng có Đấng Sáng Tạo ra chúng. Đó là một niềm tin. Nếu người nào cho rằng không có Đấng Sáng Tạo, không có Thượng Đế, thì đó cũng là một niềm tin, không chừng còn khó chấp nhận hơn nữa. Vì đã thấy bao nhiêu kết quả mà vẫn phủ nhận nguyên nhân.

Một điều quan trọng ta cần nhớ là: Dù rằng trong thiên nhiên có vô số điều chứng tỏ rằng có Thượng Đế, con người không thể nào từ thiên nhiên mà biết Thượng Đế như thế nào được cả. Nếu Thượng Đế không tự mặc khải thì con người muôn đời sẽ không bao giờ biết Thượng Đế là ai cả.

Herbert Spencer ngày xưa nhận thấy rằng một con chim không thể nào vượt khỏi bầu khí quyển mà bay ra không gian, vì vậy ông ta kết luận rằng sinh vật hữu hạn không thể nào bước vào cõi vô hạn được.

Tuy nhiên Spencer quên rằng Đấng ở cõi vô hạn có thể bước vào cõi hữu hạn được, và đó chính là điều Thượng Đế đã làm để khải thị Ngài cho con người hữu hạn. Ngài đã vào đời trong thân xác của Chúa Giê-xu, người làng Na-xa-rét.

Thượng Đế không còn xa lạ với con người nữa vì Chúa Giê-xu là hiện thân của Thượng Đế, đã vào đời sống với con người và làm gạch nối đưa con người đến cõi vĩnh hằng vô hạn. Muốn được như vậy, con người chỉ cần đặt lòng tin nơi Chúa Giê-xu.

(Khoa Học và Niềm Tin)

Niềm Tin Minh Họa

Hạ Cánh Khẩn Trương

Chiếc máy bay 747 cất cánh từ Phi-lật-tân đi Hawaii, khi vừa lên khỏi tầm cao không trở lại được nữa thì tiếng nhạc trên máy bị cắt ngang bằng một thông cáo khẩn cấp:

-Chuẩn bị hạ cánh khẩn trương! Chuẩn bị di tản! Yêu cầu toàn thể hành khách chuẩn bị để máy bay hạ cánh và di tản!

Thời gian dường như ngừng lại. Máy bay bỗng tắt hết đèn và tối mịt. Lúc ấy hành khách vội vàng nhớ đến lời người chiêu đãi vừa dặn, luồn tay lấy chiếc áo nổi dưỡi ghế ngồi ra, mặc vào. Một hành khách suy nghĩ:

-Cứu ai và bỏ ai lại đây? Làm sao 340 hành khách có thể ra khỏi một chiếc phi cơ ngay giữa đại dương và được cứu thoát? Chắc chắn là không thể được rồi!

Ngay lúc ấy một bà ngồi ở hàng ghế đối diện tung hai tay lên trời và la lên:

-Trời đất ơi, máy bay rơi!

Cốc rượu trên tay bà ấy đổ tung toé làm người hành khách kia tưởng chừng máy bay đã bị nước biển tràn vào!

Nhưng bỗng nhiên đèn lại bật sáng. Tiếng người phi công trưởng vang lên trên loa phóng thanh:

-Thành thật xin lỗi quý vị hành khách, chiếc máy tự động báo động của chúng tôi bị trục trặc nên đã loan tin khẩn cấp vừa rồi. Chúng ta đang bay rất an toàn, xin quý vị đừng lo ngại. Tất cả đều bình thường. Cảm ơn quý vị.

¹ Barnett, Lincoln. The Universe and Dr. Einstein. New York: William Sloane Associates, 197, p. 95.

² Ramm, Bernard. The Christian View of Science and Scripture. Grand Rapids: Wm. B. Eerdmans, 1954. P. 148

Tất cả xảy ra trong khoảng năm phút rồi chấm dứt. Đời sống lại tiếp tục như dòng nhạc trong máy phát ra.

Người hành khách hoàn hồn, suy nghĩ:

-Ồ may quá, chỉ là báo động giả. Nhưng nếu báo động thật thì đã có những gì xảy ra nhỉ?

Ông ta miên man nghĩ đến lúc chiếc máy bay tự nhiên rơi xuống vì máy hỏng và nước đại dương bắt đầu ngấm vào, chẳng mấy chốc mà con tàu ngập nước.

Mọi người đều hốt hoảng tìm đường ra. Nhưng ra đây là ra biển cả mênh mông với hàng nghìn nguy hiểm khác. Có thể ông ta không ra nổi vì quá đông người và bị chết ngạt trong tàu. Ông rùng mình. Cái chết ghê gớm thật, nó có thể đến bất cứ lúc nào. Nhưng quan trọng không phải là chết đến, nhưng là ta có chuẩn bị kịp hay không? Chuẩn bị để sống không nói làm gì, vì dĩ nhiên là có, nhưng đây nói về chuẩn bị chết.

Bạn có bao giờ chuẩn bị chết không? Có người bảo rằng:

Mỗi khi ta thức dậy chuẩn bị vào một ngày sống, xin đừng quên rằng hôm ấy có thể là ngày cuối cùng của đời mình.

Bạn sẽ chuẩn bị như thế nào?

Nếu hôm nay chuyến tàu của đời bạn phải đáp xuống khẩn cấp bạn có kinh hãi không?

Câu chuyện Sau Cùng

Lời Chứng Của Sâu bọ

Người ta thường tìm đủ cách để phủ nhận Thiên Chúa, nhưng sự tồn tại của Thiên Chúa là một điều không ai chối cãi được. Người ta bảo rằng hơn một triệu rưỡi loại côn trùng trên mặt đất ngày nay mỗi loại đều chứng minh về đức khôn ngoan của một Đấng Tạo Hóa vô hạn.

Chẳng hạn như con ong mật. Loại ong này tổ chức một thành phố nhỏ ngay bên trong tổ của nó. Thành phố này có 10 nghìn kho chứa mật, 12 nghìn phòng cho con nhộng ong và một phòng riêng cho con ong chúa.

Khi nào nhiệt trong tổ ong nóng, nghĩa là mật ong có thể bị thất thoát qua lớp sáp ong bị nóng chảy ra, thì đoàn ong canh gác sẽ tự động đứng ở cửa tổ ong và tất cả đều đập cánh làm như quạt máy để làm cho tổ được mát.

Năm 1719 nhà khoa học người Pháp René Antoine Ferchault de Réaumur nghiên cứu và nhận xét rằng tổ ong dường như làm bằng những tấm ván mỏng ghép lại. Sau một thời gian nghiên cứu ông nhận ra rằng da số những chất liệu ong dùng đều lấy từ vỏ của vỏ cây. Kết quả của nghiên cứu này là việc dùng vỏ cây chế tạo ra giấy. Riêng loài ong, Chúa đã cho chúng biết cách dùng vỏ cây từ hàng nghìn năm xưa để làm tổ. Đó cũng là bằng chứng về khôn ngoan của Thiên Chúa.

Hàng triệu điều kỳ diệu tương tự trong thế giới côn trùng chứng minh hùng hồn rằng Tạo Hóa khôn ngoan đã đặt vào côn trùng những bản năng mà không ai có thể giải thích được bằng cách nào khác, kể cả bằng tiến hóa thuyết.

Nhìn vào những sinh vật nhỏ bé như côn trùng, chúng ta phải công nhận có Đấng Tạo Hóa, nhưng công nhận như vậy vẫn chỉ là bước đầu. Chỉ khi nào ta bằng lòng tôn thờ Thượng Đế, Thiên Chúa, thì lúc ấy ân phúc của Thiên Chúa mới hướng dẫn trọn cuộc đời ta.

Chân Trời Mới

Chủ nhiệm & Chủ bút

Nguyễn Sinh

Giám đốc Điều hành

Hồ Xuân Phú

PO Box 4568 Anaheim CA 92803

Phone: 714 758-8767

E-mail: info@vpns.org

n_sinh@yahoo.com